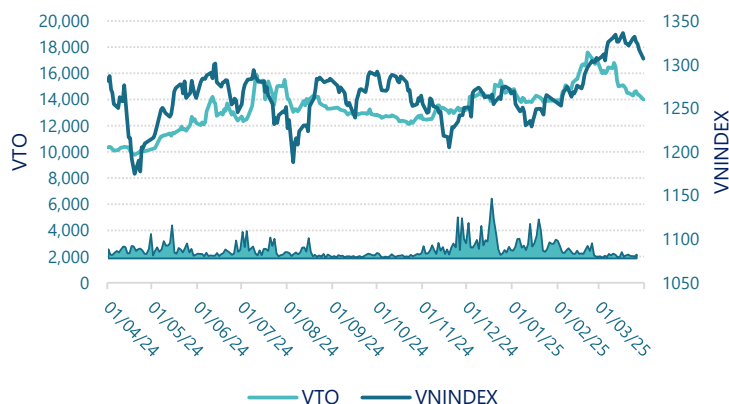


CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco (HSX: VTO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,774
SL cổ phiếu LH	79,866,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	651,730
% sở hữu nước ngoài	13.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,118
P/E	11.0
EPS	1,267

DT thuần

Q1/25

285

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00 | -3.1%

YoY: ▲17.0 | 6.3%

LN sau thuế

Q1/25

19.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.6 | -41.4%

YoY: ▼8.20 | -29.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

14.2%

+/- YoY: ▲2.7%

DT thuần

2024

1,119

tỷ VNĐ

YoY: ▲42.0 | 3.9%

LN sau thuế

2024

111

tỷ VNĐ

YoY: ▲35.4 | 46.6%

ROE

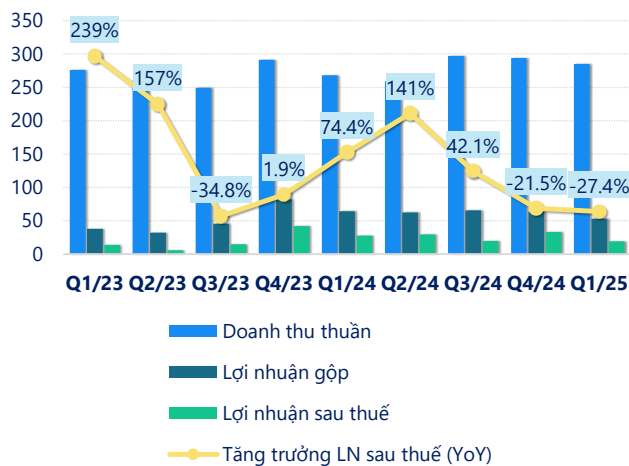
2024

9.6%

+/- YoY: ▲3.0%

tỷ VNĐ

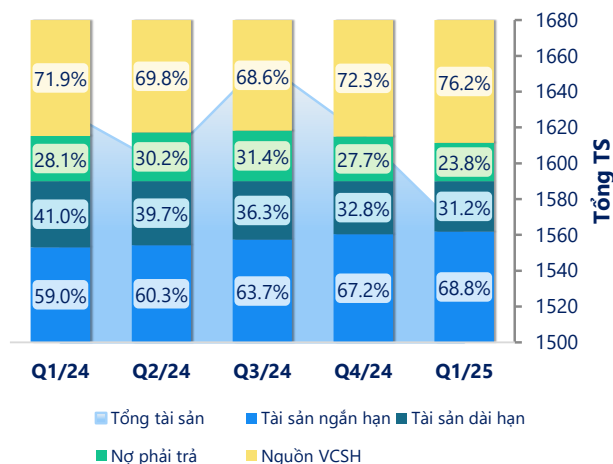
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

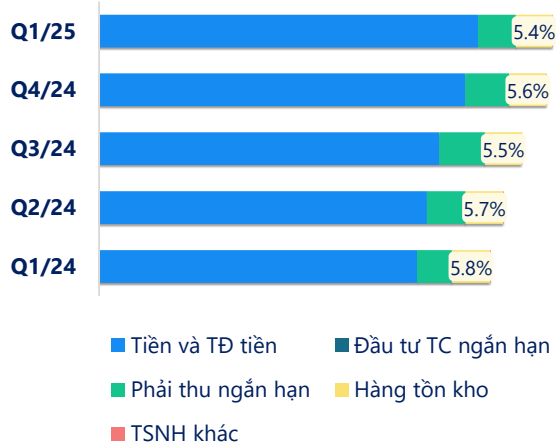
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



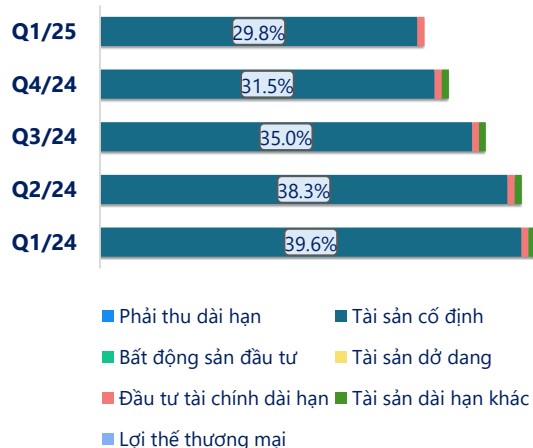
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

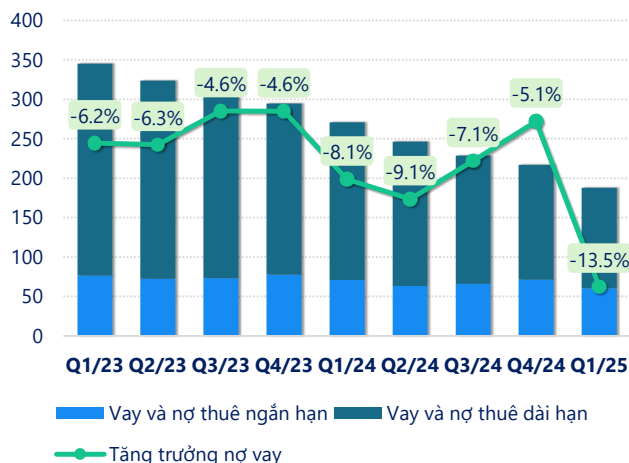
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

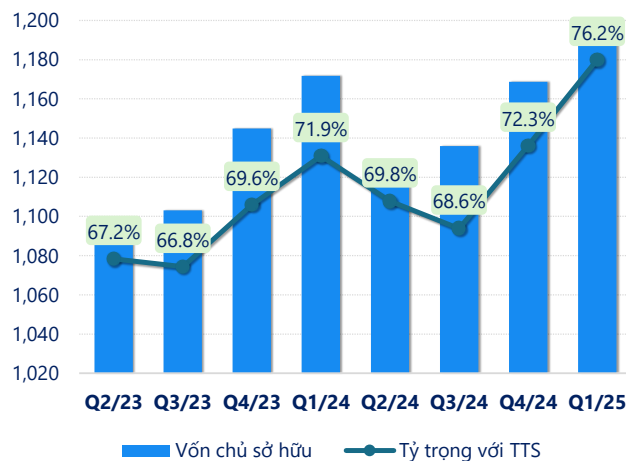
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

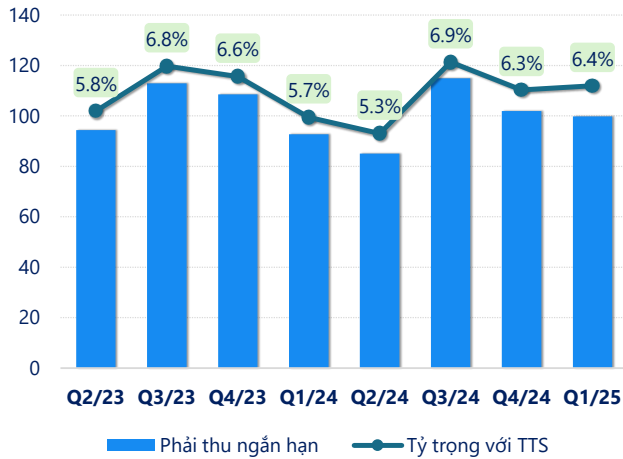
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



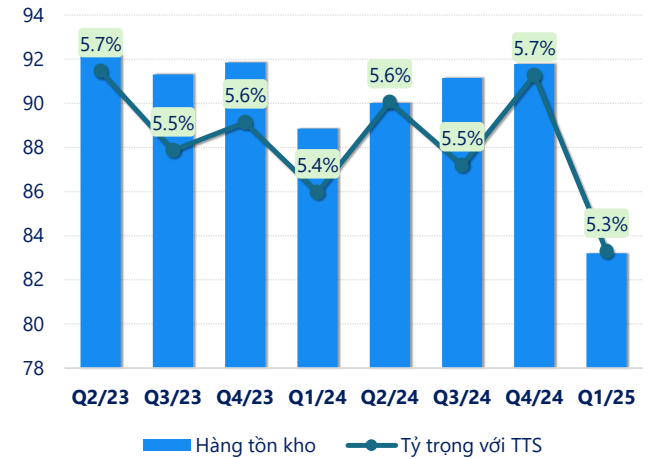
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


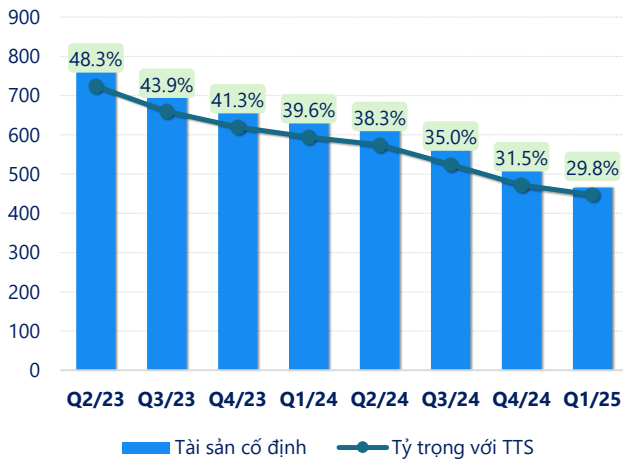
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


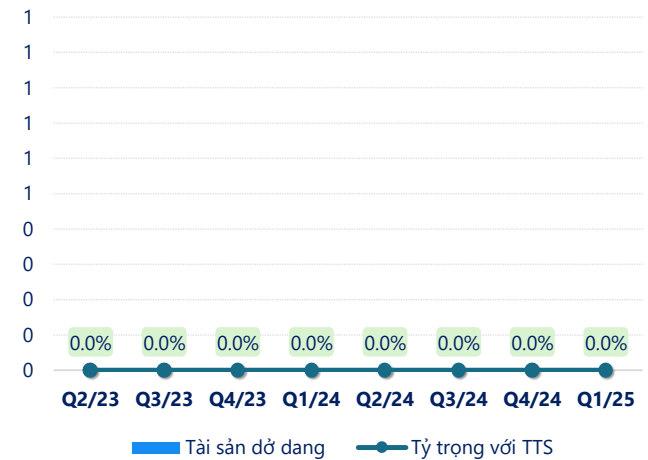
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

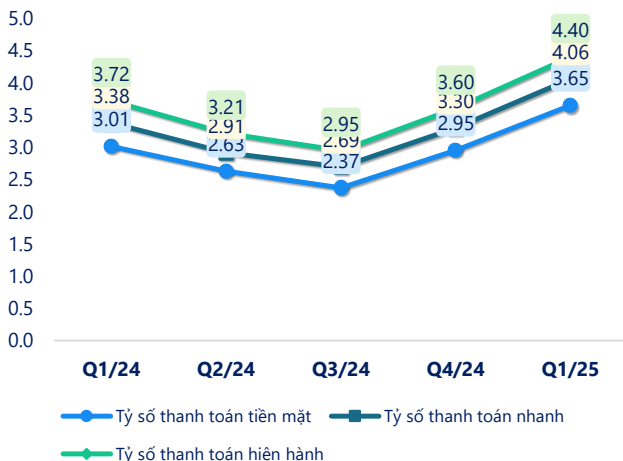
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

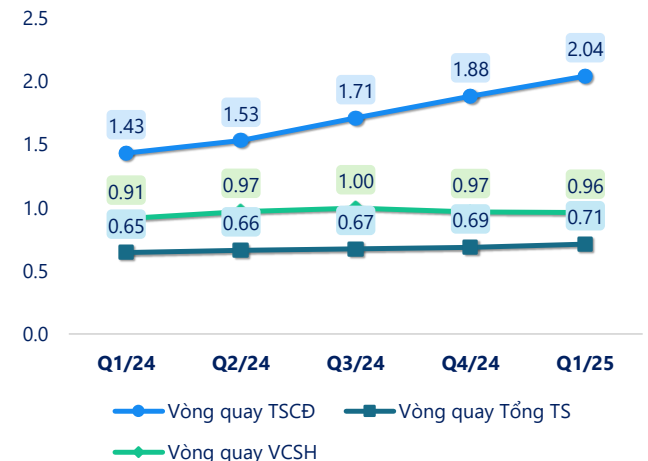
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,631	1,599	1,657	1,616	1,561
Tài sản ngắn hạn	963	965	1,055	1,086	1,073
Tiền và tương đương tiền	780	789	848	891	890
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	92.7	85.0	115	102	99.8
Hàng tồn kho	88.9	90.0	91.2	91.8	83.2
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	1.10	1.11	1.51	0.09
Tài sản dài hạn	668	634	601	530	487
Phải thu dài hạn	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Tài sản cố định	646	613	579	508	465
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Tài sản dài hạn khác	10.8	10.8	10.8	10.8	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	459	483	521	447	371
Nợ ngắn hạn	259	300	358	301	244
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.7	63.5	66.0	71.4	60.5
Phải trả người bán ngắn hạn	39.4	34.6	34.4	30.5	20.8
Nợ dài hạn	200	183	163	146	127
Vay và nợ thuê dài hạn	200	183	163	146	127
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,172	1,116	1,136	1,169	1,189
Vốn chủ sở hữu	1,172	1,116	1,136	1,169	1,189
Vốn điều lệ	799	799	799	799	799
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)